

Những biến cố liên quan đến sử Việt:

The related events to Viet Nam history

Quảng Tây và các cuộc nổi dậy.

Guangxi and the uprisings.

Trần Việt Bắc

Tháng 12 năm 2007, một vấn đề rất đau buồn cho dân Việt đã xảy ra: Trung Quốc tuyên bố lập huyện Tam Sa bao gồm Hoàng Sa và Trường Sa thuộc tỉnh Hải Nam. Chúng ta lên tiếng phản kháng, chúng ta truy tìm sử liệu, để minh chứng với quốc tế là hai quần đảo này thuộc Việt Nam. Đồng ý đây là chủ quyền của Việt nam, tuy nhiên không phải ngay lập tức mà Trung Quốc xâm lăng mà không sửa soạn. Họ đã điều nghiên cẩn thận để **ngụy tạo những sử liệu** có thuận lợi cho họ để **lừa bịp dư luận thế giới** về việc xâm lăng mới xảy ra. Sau đó người Việt chúng ta đưa ra những sử liệu để phản bác lại. Tuy nhiên chúng ta có thể làm gì được bây giờ! Con rồng đã cắn chặt lấy miếng mồi, khó lòng làm cho nó nhả ra.

"Biết người biết ta"...! "người" biết "ta" quá nhiều, "ta" biết "người" chưa đủ. Biết đề đề phòng những âm mưu xâm lăng kế tiếp, biết đề có thêm kinh nghiệm lịch sử, biết đề nói cho các thế hệ kế tiếp đời lại đất biển đã bị cưỡng đoạt cũng như về âm mưu Hán hoá truyền kiếp của Hán tộc!.

Người viết đang muốn tìm hiểu và học hỏi thêm về sử Việt cùng những biến cố lịch sử liên quan. Tuy nhiên nhận thấy có những sự việc xảy ra kể bên nước Việt, liên quan đến sử Việt, thí dụ như những âm mưu thôn tính Việt Nam của nhà Thanh qua lời của Đường Cảnh Tùng nói với Lưu Vĩnh Phúc. Hay như muốn tìm hiểu thêm về những nhân vật đã tung hoành tại miền bắc Việt Nam có liên quan đến vấn đề như Ngô Côn, Lưu Vĩnh Phúc, Hoàng Sùng Anh v.v..., thì sử Việt lại viết rất sơ sài hay không thấy nhắc đến, chỉ thấy Việt Nam Sử Lược (VNLS), trang 535 và 536 của sử gia Trần Trọng Kim viết đơn giản như sau:

*Nguyên từ năm Đạo-quang thứ 29, là năm kỷ-dậu (1849), tức là bên ta năm Tự-đức thứ 2, ở **Quảng Tây** có tên Hồng Tú Toàn cùng với bọn Dương Tú Thanh, Tiêu triều Quý, Lý Tú Thành, nổi lên xưng là **Thái Bình thiên-quốc**, rồi chiếm cứ đất Kim-lăng và các tỉnh phía nam sông Trường-giang.*

....
*Lúc ấy có **đur đưng** của Hồng Tú Toàn là bọn Ngô Côn chạy tràn sang nước ta, trước còn nói xin hàng, rồi sau đem quân đi cướp phá các tỉnh, quan quân đánh mãi không được. Năm mậu-thìn (1868) là năm Tự-đức thứ 21, **Ngô Côn** chiếm giữ tỉnh thành Cao-bằng.*

....
Đến cuối năm canh-ngọ (1870), Ngô Côn đem quân vây đánh tỉnh thành Bắc-Ninh, quan tiễu-phủ Ông Ích Khiêm đánh một trận bắn chết Ngô Côn và phá tan quân giặc.

....
*Ngô Côn tuy chết, song còn có những **đồ-đưng** là Hoàng Sùng Anh, hiệu cờ vàng, **Lưu Vĩnh Phúc**, hiệu cờ đen, Bàn Văn Nhị, Lương Văn Lợi, hiệu cờ trắng, vẫn cứ quấy nhiễu ở mạn Tuyên Quang, Thái Nguyên, quan quân phải hết sức chống giữ thật là vất vả.*

Việt Sử Tân Biên (quyển 5, trang 343) cũng của sử gia Phạm Văn Sơn, viết tương tự như trên.

Việt Nam Pháp Thuộc Sử (1884-1945) của sử gia Phan Khoang, nhà xuất bản Sống Mới, trang 250 cũng viết tương tự như Việt Nam Sử Lược.

Các tài liệu này cho biết **Lưu Vĩnh Phúc** là "*đồ đảng*" của **Ngô Côn**, Ngô Côn là "*du đảng*" của **Hồng Tú Toàn**, người phát động cuộc nội loạn **Thái Bình Thiên Quốc** năm 1851 ở **Quảng Tây**. Không thấy các sử gia nào đưa ra sự việc khác với tác giả VNSL. Có phải sự thật đã xảy ra như những tài liệu trên đã viết?

Tình cờ người viết đọc được trong bài viết về dân tộc Tráng của tiến sĩ Jeffrey Barlow thấy nói tới các "nước" được thành lập tại Quảng tây như **Đại Thành** là một "nước" lớn bằng toàn cõi Bắc Việt, cũng như **Đình Lăng** kế bên vùng Việt Bắc, thời vua Tự Đức (1847-1883), nhưng chưa thấy tài liệu nào trong sử Việt đề cập đến!

Nơi chốn phát động ra những biến cố này là tỉnh **Quảng Tây**. Thái Bình Thiên Quốc nổi dậy từ đây, Ngô Côn và Lưu Vĩnh Phúc cũng nổi lên từ tỉnh này, rồi sau đó mới di chuyển vào miền bắc Việt Nam. Vì thế, người viết xin tìm hiểu rồi trình bày sơ lược về địa lý cũng như lịch sử Quảng Tây, với các biến cố đã xảy ra tại tỉnh này, cùng những sự việc có liên quan sử Việt để **xin được độc giả góp thêm ý kiến.**

Trong bài viết, những tên người hay địa danh đã được chuyển sang phiên âm Hán Nôm và chữ Hán cũng như phiên âm Pinyin, để độc giả có thể tiện lợi phần nào khi muốn truy cứu thêm tài liệu. Đương nhiên người viết có thể có những chỗ sai lầm; vì khả năng Hán học thô thiển của mình và những sự kiện tham khảo có thể bị thiếu sót. Ước mong rằng các học giả, sử gia và độc giả giúp thêm ý kiến, để người viết có thể chỉnh lại cho đúng. Xin thành thật cảm ơn các soạn giả của nhu liệu "*HanoConv*", "*HanoSoft*". Không có những nhu liệu này, thì người viết khó có thể có hoàn tất được bài viết. Một lần nữa xin đa tạ.

1. Sơ lược địa lý tỉnh Quảng Tây

Quảng Tây là tỉnh kế miền đông bắc của bắc Việt Nam, từ điểm cực bắc của nước Việt là cao nguyên Đồng Văn tới biển Nam Hải tại thị xã Móng Cái. Quảng Tây qua lịch sử có nhiều biến cố liên hệ đến Việt Nam.

Quảng Tây là đất của người Bách Việt, đây là một phần đất phía tây của Lĩnh Nam¹. Vùng này, sắc tộc đa số của dân "thiểu số" là tộc Tráng; thuộc chủng Thái. Sắc tộc Tráng là dân bản địa cư ngụ lâu đời ở đây, khác hẳn về ngôn ngữ, phong tục và văn hoá với dân vùng Hoa Bắc và Hoa Nam thời cổ. Ngày nay tỉnh này gọi là Khu Tự Trị Dân Tộc Tráng Quảng Tây (Guangxi Zhuang Autonomous Region).

¹ Lĩnh Nam là phía nam Ngũ Lĩnh, cũng là rặng Nam Lĩnh ngày nay. Lĩnh Nam gồm Quảng Tây, Quảng Đông, Phúc Kiến, phía nam của Chiết Giang, đảo Hải nam, và Bắc Việt Nam ngày nay.

Về vị trí, Quảng Tây ở phía tây và tây bắc tiếp giáp vùng cao nguyên của hai tỉnh Vân Nam và Quý Châu, phía đông bắc giáp với tỉnh Hồ Nam, phía đông giáp với tỉnh Quảng Đông, phía nam giáp với biển Nam Hải và Việt Nam. Đầu thế kỷ 20, một phần miền nam Quảng Tây tiếp giáp với tỉnh Quảng Đông, không giáp với biển Nam Hải (xin coi bản đồ).

Diện tích của Quảng Tây xếp vào hàng thứ 9 của Trung Quốc (236700 km²), gần bằng ba phần tư của diện tích của Việt Nam (330000 km²). Thủ phủ của Quảng Tây là thành phố Nam Ninh (Nanning 南), cũng là thành phố lớn nhất của Quảng Tây. Dân số khoảng 49 triệu người. Hán tộc chiếm 62%, Tráng tộc 32%, Dao tộc 3%, H'Mong (người Hán gọi là Miêu) tộc khoảng 1%, và các sắc tộc khác dưới 1%.

Quảng Tây là một tỉnh có những phong cảnh thiên nhiên rất đẹp, đặc biệt là vùng chung quanh thị trấn Quế Lâm với những cảnh đồi núi chập chùng và sông nước thơ mộng, tuy nhiên cũng là một tỉnh rất nghèo trong thế kỷ 19, vì không đủ đất đai để canh tác.

Các rặng núi tại Quảng Tây

Phía tây là rặng Lục Chiêu sơn (Liuzhao shan 六诏山) phân chia ranh giới Quảng Tây và Vân Nam.

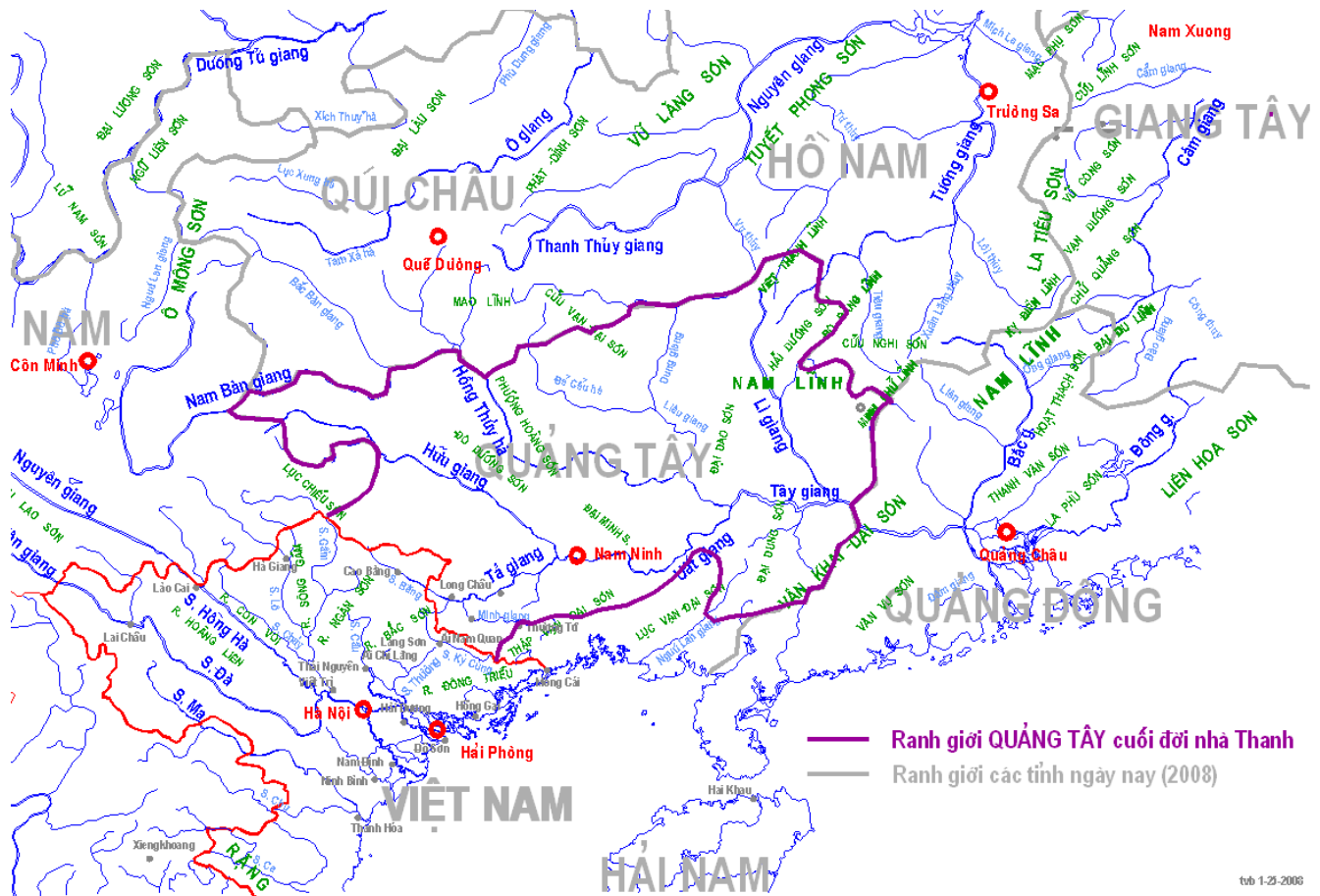
Phía tây bắc Quảng Tây là rặng Phượng Hoàng sơn (Feng Huang shan 鳳凰山) và Cửu Vạn đại sơn (Jiuwan dashan 九万大山) với đỉnh Nguyên Bảo sơn -(Yuan Bao shan 元宝山 2081 m). Khoảng giữa tỉnh Quảng Tây là rặng Đô Dương sơn (Duyang shan 都陽山) và Đại Minh sơn (Daming shan 大明山). Kế phía bắc về hướng Quý Châu là rặng Miêu Lĩnh (Miao ling 苗岭) với đỉnh Lô Công sơn (Leigong shan 雷公山 2178 m).

Phía đông bắc, phân chia ranh giới Quảng Tây với Hồ Nam là dãy Nam Lĩnh (Nam Ling 南岭) hay Ngũ Lĩnh (tên thời cổ), gồm có Việt Thành lĩnh (Yuechengling 越城岭), Đô Bàng lĩnh (Dupangling 都庞岭), Minh Chủ lĩnh (Mengzhuling 萌渚岭) cũng như rặng Hải Dương sơn (Haiyang shan 海洋山) với đỉnh núi khá cao tại đây là Bảo Khiết lĩnh (Baojie ling 宝洁岭 1935 m). Sâu hơn về phía nội địa phía đông bắc Quảng Tây là rặng Đại Dao sơn (Dayao shan 大瑶山)

Phía đông là rặng Đại Dung sơn (Darong shan 大容山). Xa hơn về phía đông là rặng Vân Khai đại sơn (Yunkai dashan 云开大山) với các đỉnh Qui Lộng sơn (Guilong Shan 規弄山 1681 m) và Sấm Vương Lão Sơn (Cenwang Laoshan 岑王老山 2069 m), các rặng núi này chia ranh giới hai tỉnh Quảng Tây và Quảng Đông.

Phía nam là rặng Lục Vạn đại sơn (Liuwan dashan 六万大山) nối ra đến biển Nam Hải.

Phía tây nam là rặng Thập Vạn đại sơn (Shiwan dashan 十万大山) nối với rặng Đông Triều của Việt Nam, phía đông bắc của Bắc Việt Nam.



BD19 - Ranh giới tỉnh Quảng Tây từ thời nhà Thanh đến đầu thế kỷ 20

Các thủy lộ tại Quảng Tây

Quảng Tây có sông lớn thứ 3 của Trung Quốc là Tây Giang (Xi jiang 西江)². Đây là thủy đạo chính của vùng Lĩnh Nam. Tùy từng đoạn, sông này đã được đặt bằng những tên khác nhau. Các đoạn sông này nối tiếp với nhau từ tây qua đông theo thứ tự sau: Nam Bàn giang (Nanpan Jiang 南盘江) (tên cổ thời là sông Tường Kha · 柯) - Hồng Thủy hà (Hongshui he 红水河), Kiềm giang (Qian jiang 黔江), Tầm giang (Xun jiang 浔江) và Tây giang. Khúc sông chảy vào Quảng Đông đổi tên là Chu giang (Zhu Jiang 珠江) và sau đó đổ ra biển Nam Hải.

Tây giang có những chi lưu chính ở phía bắc như Bắc Bàn giang (Beipan jiang 北盘江) (tại tỉnh Quý Châu), Liễu giang (Liu jiang 柳江) và Li giang (Li jiang 漓江).

² Chiều dài của Tây giang tại Trung Quốc chỉ kém sông Dương Tử (Yangtze) (Trường giang 长江) và Hoàng Hà (Huang He 黄河)

Liêu giang do hai chi lưu chính là Đả Cầu hà (Dagou he 打狗河) và Dung giang (Rong jiang 融江). Li giang cũng gọi là Quế giang (Gui jiang 桂江) cho khúc sông từ Chiêu Bình (Zhaoping 昭平) đến Ngô Châu (Wuzhou 梧州) - chỗ nối với Tây giang kề với ranh giới Quảng Đông. Thượng nguồn của Li giang; qua kinh Linh Cừ³ (Lingqu 靈渠) nối với Tương Giang (Xiang jiang 湘江) - chảy vào sông Dương Tử (Yangtze 长江).

Những chi lưu ở phía nam như Hữu giang (You jiang 右江) và Tả giang (Zuo jiang 左江).

Hữu giang phát nguyên từ Vân Nam có thượng nguồn chính là Đả Nhưông giang (Tuoniang jiang 濛江).

Tả giang do các sông Hắc Thủy hà (Heishui he 贺水河) và Minh giang (Ming jiang 明江) cùng các sông phát nguyên từ đông bắc Việt Nam là Bằng giang, Bắc giang và sông Kỳ Cùng hợp lại. Rồi hai sông Hữu giang và Tả giang hợp lại thành Uất giang (Yu jiang 郁江), chảy vào Tây giang.

Khí hậu tỉnh Quảng Tây

Khí hậu Quảng Tây là khí hậu nhiệt đới nên ẩm áp quanh năm. Nhiệt độ thay đổi từ 16°C (tháng 11, 12, 1, 2) đến 30°C (tháng 5, 6, 7, 8). Tuy nhiên cũng đã có những ngày nóng lên đến 42°C (107.6°F). Thời gian trồng cây từ 250 đến 320 ngày trong một năm (nhiệt độ tối thiểu để có thể cấy lúa là 10°C). Quảng Tây có nhiều mưa, vũ lượng cho cả năm khá cao, từ khoảng 100 cm (40 inches) tới 280cm (110 inches).

Các sắc tộc tại Quảng Tây

Ngày nay, Quảng Tây gồm nhiều sắc tộc. Trước khi nhà Tần mang quân xâm chiếm, sắc tộc chính tại Quảng Tây là Tráng tộc⁴ (Zhuang 壯), thuộc chủng tộc Thái. Xa về phía đông nam là sắc tộc Lê⁵ (Li 黎) ở vùng bán đảo Lôi Châu (Leizhou 雷州) tỉnh Quảng Đông và ven đảo Hải Nam⁶ ngày nay. Về phía tây nam là chủng tộc Lạc Việt, dân bản địa tại vùng Âu Lạc. Người Hán gọi chung các sắc tộc ở

³ Kinh Linh Cừ được khởi công đào từ năm 219TCN do thiết kế của giám quan Sứ Lộc. Đạo quân nam chinh của Tần Thủy Hoàng đã đào núi làm sông để chuyển lương. Đây là một trong hai công trình thủy đạo cổ thời nổi tiếng mà người Trung Quốc tự hào. Quân Tần hoàn tất việc đào kinh lúc nào thì không thấy tài liệu nào nói rõ, có vài tài liệu nói là năm 214TCN, tuy nhiên thời điểm này không được kiểm chứng qua sử liệu. Người viết phỏng đoán là việc đào kinh này tốn khoảng 3 năm (hoàn tất năm 216 TCN), số nhân công khoảng 30 đến 50 ngàn người với dụng cụ thô sơ đã đào một con kinh 33 Km chiều dài, rộng trung bình 10 m (30 feet) sâu khoảng 1 mét, nằm giữa Hải Dương sơn và Việt Thành lĩnh.

Nhờ kinh Linh Cừ (gần Quế Lâm), thủy đạo phía bắc Ngũ Lĩnh là Tương giang (Xiang jiang 湘江), thuộc hệ thống sông Dương Tử (Yangtze 长江) và phía nam Ngũ Lĩnh là Ly giang (Li jiang 漓江), thuộc hệ thống Tây giang (Xi jiang 西江) đã thông với nhau.

⁴ Ngày nay, Quảng Tây là Tráng tộc tự trị khu 廣西壯族自治區 (Guangxi Zhuang Autonomous Region). Tổng số dân tộc Tráng khoảng 18 triệu người tại Lĩnh Nam.

⁵ Lê tộc ngày nay có khoảng 1.3 triệu người, hầu hết định cư tại đảo Hải Nam

⁶ Robert B. Marks: "Tigers, Rice, Silk & Silt- Environment and Economy in Late Imperial South China", Cambridge University Press, 1998, trang 54.

đây là người Bách Việt, gồm nhiều bộ tộc đã định cư tại đây từ thời cổ ở vùng Lĩnh Nam. Sau này lại có các sắc tộc thiểu số khác di dân đến Quảng Tây sinh sống như người Dao ⁷ (khoảng 1.5 triệu), người H'Mông⁸ (khoảng 500 ngàn), người Dư ⁹, Di tộc (Lô Lô) ¹⁰, v.v... Ngày nay, tại Quảng Tây nêu không kể Hán tộc (khoảng 30 triệu), Tráng tộc là sắc tộc đông dân nhất tại đây (khoảng 16 triệu người) so với dân số các sắc tộc khác.

Các cuộc di dân của Hán tộc vào Lĩnh Nam ¹¹

Hán tộc di dân vào Lĩnh Nam được chia làm ba đợt chính.

Đợt đầu tiên là khi nhà Tần mang quân xâm chiếm Lĩnh Nam ¹². Nhà Tần suy vong, một số lớn của đạo quân này đã ở lại Lĩnh Nam và lập nghiệp tại đây. Đến đời nhà Hán, nhờ có kinh Linh Cừ (Lingqu 靈渠) đào bởi quân Tần, việc chuyên chở bằng đường thủy tương đối thuận lợi, nên người Hán đã đến định cư tại đây khá đông.

Đợt thứ hai, vào đầu thế kỷ thứ tư là khi Hung Nô (Xiongnu 匈奴) tấn công kinh đô Lạc Dương (Luoyang 洛陽) của nhà Tây Tấn (西晉 265-317) năm 309, dân chúng tản mác chạy về phía nam. Hung Nô là một trong 5 sắc tộc hùng mạnh nhất ở phía bắc Trung Quốc, người Hán gọi chung là Ngũ Hồ ¹³. Thời gian này, Bắc sử gọi là thời Ngũ Hồ Thập Lục quốc. Đây là thời cực kỳ loạn lạc của Trung Quốc, dân chúng di tản về phía nam rất nhiều.

Đợt thứ ba kéo dài hai thế kỷ, năm 1126 khi quân Kim (Jin 金, người Nữ Chân- Jurchen 女真) tấn công và chiếm Biện Kinh (Bianjing 京, cũng là Khai Phong -Kaifeng 開封) là kinh đô của nhà Bắc Tống (960-1127), lập nên nhà Kim. Nhà Tống phải di tản về phía nam sông Dương Tử, lập kinh đô Lâm An (Lin'an 臨安), (là Hàng Châu Hangzhou 杭州), thuộc tỉnh Chiết Giang ngày nay. Triều đại

⁷ Người Dao (Yao 瑶族) khoảng trên 2 triệu người, định cư tại các tỉnh Tứ Xuyên, Quý Châu, Vân Nam, Quảng Tây và Quảng Đông của Trung Quốc. Việt Nam có khoảng nửa triệu người Dao.

⁸ H'Mông (Miao 苗族), tên cũ để gọi dân tộc thời xưa là Miêu tộc, tiếng Việt gọi là người Mèo. Đây là một sắc tộc rất lớn, dân số lên tới 7.5 triệu người. Dân tộc H'Mông định cư tại các tỉnh của Trung Quốc như Quý Châu, Quảng Tây, Vân Nam, Hồ Nam, Tứ Xuyên, Hải Nam. Tại Việt Nam có khoảng 800 ngàn người. Tại Hoa Kỳ có khoảng 275 ngàn người.

⁹ Dư tộc (She 畲) khoảng trên 600 ngàn người, định cư tại các tỉnh Phúc Kiến, Chiết Giang, Giang Tây và Quảng Đông

¹⁰ Di tộc (Yi 彝族) tiếng Việt gọi sắc tộc này là Lô Lô. Đây là sắc tộc lớn khoảng 6.5 triệu người, định cư tại các tỉnh Tứ Xuyên, Quý Châu, Vân Nam, Quảng Tây của Trung Quốc. Việt Nam có khoảng hơn 3 ngàn người Lô Lô tại các tỉnh Hà Giang, Lào Cai và Cao Bằng.

¹¹ Robert B. Marks: "*Tigers, Rice, Silk & Silt- Environment and Economy in Late Imperial South China*", Cambridge University Press, 1998, trang 56.

¹² Độc giả có thể đọc thêm về việc quân Tần xâm lăng Lĩnh Nam trong bài viết "*Giao Chi và Tượng quận*" của cùng tác giả (Trần Việt Bắc).

¹³ gồm Hung Nô -Xiongnu 匈奴, Yết - Jie 羯, chủng loại Mông Cổ), Khương -Qiang 羌, chủng loại Tây Tạng, Đê -Di - chủng loại Tây Tạng, và Tiên Ti -Xianbei 鮮卑-chủng loại Mãn Châu

này gọi là Nam Tống (1127- 1279). Đây có lẽ là cuộc di dân lớn nhất về phía nam của Hán tộc khi nhà Kim chiếm bắc Trung Quốc. Đợt di dân này tiếp tục cho đến cuối thế kỷ 13, khi quân Mông Cổ bắt đầu xâm chiếm Trung Quốc.

Ngày nay, dân số Hán tộc tại Quảng Tây có khoảng 30 triệu người, so với dân số Quảng Tây khoảng 50 triệu. Hán tộc chiếm trên 60% dân số của tỉnh này.

2. Sơ lược về những biến cố tại Quảng Tây (221TCN - 1851)

Lịch sử Quảng Tây gắn liền với lịch sử của dân tộc Tráng (Zhuang 壯)- dân bản địa ở vùng này - mà người Việt gọi là dân Tây - Nùng . Lịch sử Quảng Tây có nhiều liên quan đến sử Việt. Người viết xin tìm hiểu và trình bày sơ lược về lịch sử của dân tộc Tráng, từ khi nhà Tần mang quân sang xâm chiếm Lĩnh Nam, đến trước khi có cuộc nổi dậy của Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Toàn lãnh đạo - năm 1851.

Một trong những biến cố quan trọng nhất tại Quảng Tây là **sự quật khởi của Nùng Trí Cao**, biến cố này quyết định vận mạng lịch sử của dân tộc Tráng. Sự quật khởi đã thất bại! Nhưng nếu thành công, thì đã có một quốc gia mới tại Lĩnh Nam, vùng Quảng Tây và Quảng Đông ngày nay. Côn Luân quan thất thủ, đưa đến việc thành Ung bị mất, cùng với việc bôn đảo của Nùng Trí Cao. Mộng thành lập một quốc gia độc lập của dân tộc Tráng đã không thành! Tất cả còn lại chỉ là tiếng vang của quá khứ! Mặc dù như vậy, nhưng "Vua Nùng" đã là một anh hùng của dân tộc Tráng. Đồng thời với mục đích tìm hiểu về những địa danh, nơi đã xảy ra biến cố, người viết cũng xin trình bày qua việc quân Đại Việt qui mô tấn công vào Quảng Tây.

Nguồn gốc của dân tộc Tráng ngày nay vẫn còn là một câu hỏi, chỉ biết là họ đã định cư tại Quảng Tây từ lâu đời. Có một vài di chỉ đã được khai quật cho biết người Tráng đã ở đây trước thời Xuân Thu (khoảng thời gian từ 770 TCN - 476 TCN). Như di chỉ đã được khai quật ở Bailian dong (Bạch Liên động 白蓮洞) gần Liễu Châu (Liuzhou 柳州) và Zhen-pi Yan (Chân Bì nham 甄皮岩) gần Quế Lâm (Guilin 桂林). Những di chỉ này chứng tỏ dân tộc Tráng đã cư ngụ tại đây từ Thời Đồ Đá Cũ hay trước nữa ¹⁴.

Những diễn biến thành văn được ghi lại về dân tộc Tráng bắt đầu từ việc quân Tần tiến vào Lĩnh Nam năm 221 TCN. Sau khi đã bị thiệt hại một cách đáng kể tại Quảng Tây do sự chống cự mãnh liệt của người Tráng là nước Tây Âu, quân Tần cũng đã chiếm được một phần đất của Lĩnh Nam. Năm 214TCN, tại những vùng đất đã chiếm đóng, nhà Tần lập các quận Mân Trung (thuộc tỉnh Phúc Kiến và phía nam của Chiết Giang), quận Nam Hải (thuộc tỉnh Quảng Đông), quận Quế Lâm (phía bắc của Quảng Tây), Tượng quận (phía tây bắc tỉnh Quảng Tây) ¹⁵.

Nhâm Ngao, một tướng của đoàn quân viễn chinh nhà Tần đã đưa quân vào Nam Hải (Quảng Đông ngày nay), đồn trú tại Phiên Ngung. Trước khi chết đã làm chiếu chỉ giả, để phong cho Triệu Đà thay

¹⁴ <http://mcel.pacificu.edu/as/resources/ZHUANG/index.html>

The Zhuang: "A Longitudinal Study of Their History and Their Culture", by Jeffrey Barlow

¹⁵ Độc giả có thể đọc thêm về vị trí Tượng Quận trong bài "*Giao Chỉ và Tượng quận*" của cùng tác giả (Trần Việt Bắc)

ông ta làm Hiệu Úy quận Nam Hải. Năm 207 TCN Nhà Tần diệt vong, Triệu Đà mang quân chiếm hai quận Quế Lâm và Tượng Quận, đặt tên cho vùng đất chiếm đ ược là nước Nam Việt và xưng là Triệu Vũ Vương.

Năm 111TCN, Hán Vũ Đế chiếm Nam Việt, chia vùng đất của nước Nam Việt làm các quận Thương Ngô (phía đông Tượng quận thời Tần), Uất Lâm (quận Quế Lâm thời Tần, thuộc tỉnh Quảng Tây ngày nay), Hợp Phố và Giao Chỉ.

Mặc dù người Hán đã đặt quận huyện tại Quảng Tây, nhưng qua các thời như Tam Quốc (Sanguo 三國 220-280), Tấn (Jin 晉 265-420), Nam Bắc Triều (南北朝 386-589), Tùy (Sui 隋 581-618), vùng đất giữa Hữu giang (You jiang 右江) và Tả giang (Zuo jiang 左江), là trung tâm của người Tráng vẫn nằm ngoài sự kiểm soát của triều đình.

a-Các cuộc nổi dậy của người Tráng trong thời nhà Đường (618-907).

Đến đời nhà Đường (Tang 唐 618-907), năm 756, triều đình muốn kiểm soát khu vực này đã gặp sự phản kháng của người Tráng. Động chủ của thị tộc Hoàng là Hoàng Càn Diệu (Huang Qianyao 黃乾曜) xưng là Trung Việt vương (Zhong Yue wang 中越王), cùng với các động khác nổi lên chống lại. Cuộc kháng chiến kéo dài đến năm 758-759 thì thất bại.

Năm 785, một động chủ họ Hoàng khác là Hoàng Thiệu Khanh (Huang Shaoqing 黃少卿) mang quân đánh Ung châu (Yong Zhou 州) và chiếm 4 châu khác. Con của Hoàng Thiệu Khanh là Hoàng Xương Miện (Huang Changmian? 黃昌沔), nổi chí cha chiếm thêm 13 châu, gần như bao gồm toàn bộ tây nam của Quảng Tây. Nhà Đường đã phải mang một đạo quân lớn mới dẹp yên được cuộc nổi dậy này.

Sau đó, năm 786, lại có Hoàng Thiệu Độ (Huang Shaodu 黃少度) nổi lên chiếm một châu khác. Năm 808, họ Hoàng lại nổi dậy một lần nữa. Mặc dù đã có nhiều cuộc nổi dậy và đã bị dẹp tan, nhưng dưới áp bức của cảnh bị trị, dân tộc Tráng đã nổi dậy nhiều lần về sau này.

Đến năm 815, Liễu Tông Nguyên (Liu Zong-yuan 773-819 柳宗, là một thi sĩ) đến Liễu châu (Liuzhou 柳州) làm thứ sử. Ông đã giảm bớt sự cai trị hà khắc, nên vùng này tạm yên một thời gian.

Thị tộc Hoàng, đã bị yếu vì bị quân nhà Đường đánh dẹp nhiều lần. Tuy nhiên, năm 831, họ Hoàng lại liên minh với họ Nùng là một thị tộc đang hùng mạnh ở châu Quảng Nguyên¹⁶ (Guangyuan 廣源) -

¹⁶ Ghi chú số 3 trong ĐVSKTT, nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, 1998, tập 1, trang 259 : "*Quảng Nguyên: tên châu thời Lý, thời thuộc Minh thuộc về đất Uyên huyện, thời Lê đổi là châu Lộng Nguyên. Nay là đất các huyện Quảng Uyên, Phúc Hòa, Thạch An, tỉnh Cao Bằng*".

Ghi chú của người viết: hai huyện Quảng Uyên và Phúc Hoà ngày nay là huyện Quảng Hoà. Huyện Thạch An nằm kế phía bắc tỉnh Lạng Sơn, huyện Quảng Hoà nằm kế phía đông bắc huyện Thạch An. Tuy nhiên nếu căn cứ vào sử liệu trong ĐVSKTT thì châu Quảng Nguyên nằm về phía đông bắc tỉnh Cao Bằng, gồm vùng quanh thị trấn Cao Bằng và vùng kề biên giới thuộc Trung Quốc ngày nay. ĐVSKTT viết: "*Trước đây Tôn Phúc là thủ lĩnh châu **Thảng Do**, em là Tôn Lộc làm thủ lĩnh châu **Vạn Nhại**. Em trai của A Nùng, vợ Tôn Phúc, là Dương Đạo làm thủ lĩnh châu **Vũ Lạc** đều thuộc châu **Quảng Nguyên**". Châu Thảng Do (儻猶州) theo học giả Trung Quốc thì châu này nằm khoảng 20 km về phía bắc của đường biên giới Việt - Trung*

vùng Cao Bằng của Việt Nam - chiếm 18 châu của Quảng Tây, nhưng sau đó cũng bị quân nhà Đường dẹp yên.

Năm 878, loạn Hoàng Sào (Huang Chao 黃巢) nổi lên. Hoàng Sào tìm nơi quân nhà Đường không tập trung chủ lực để tấn công, nên mang quân đánh về phía nam, tiến chiếm Quảng Châu. Quân Đường tản mác rút về phía bắc. Ách đô hộ được giảm, nên tại Quảng Tây đã không có vụ nổi loạn lớn nào xảy ra.

Chu Ôn (Zhu Wen 朱溫 hay Chu Toàn Trung- Zhu Quanzhong 朱全忠) là một người theo Hoàng Sào đã lật đổ nhà Đường năm 907 dựng nên triều Hậu Lương. Sau đó Trung Quốc đi vào tình trạng hỗn loạn, đó là thời Ngũ Đại Thập quốc (五代十國 từ năm 902 đến 979). Tỉnh Quảng Tây lúc này nằm trong nước Nam Hán (南漢 907-971), một trong mười nước mới thành lập. Thời gian này đã không có cuộc nổi dậy nào đáng kể của người Tráng.

Nhà Bắc Tống (北宋 960-1127) thống nhất Trung Quốc, diệt Nam Hán năm 971.

b- Nùng Trí Cao:

Cuộc nổi dậy của người Tráng thời nhà Tống (960-1279)

Sau khi nhà Tống thống nhất Trung Quốc, đối với các sắc tộc mà Hán tộc coi họ là man di, nhà Tống đặt ra một hệ thống hành chính mới cho các sắc tộc này, đó là hệ thống "ki mi" gọi là "ki mi chế" (jimi zhi 羈縻制), có nghĩa là các sắc tộc hay các bộ lạc tự quản trị địa phương của mình, tuy nhiên thuế khoá hay nhân lực vẫn được kiểm soát bởi chính quyền trung ương. Các vùng đất của các bộ tộc này sinh sống được gọi là các "châu ki mi". Các bộ tộc người Tráng có được một quy chế bớt bị đàn áp hơn so với thời nhà Đường, nên một số lớn đã hợp tác với chính quyền nhà Tống, cho đến khi có sự nổi dậy của **Nùng Trí Cao** (*Nong Zhigao 農智高 1025-1055?*), với hy vọng là tộc Tráng sẽ dành được sự độc lập như tộc Lạc Việt đã làm. Đó là việc dành độc lập do Ngô Quyền lãnh đạo. Với chiến thắng Bạch Đằng năm 938, Ngô Quyền đã dựng nên một vương quốc tự chủ. Ông xưng vương năm 939, khởi đầu cho một nước Việt độc lập, sau một thiên niên kỷ bị Bắc thuộc.

Năm 1039 (thời nhà Lý của Đại Việt 1010 - 1225, Lý Thái Tông Phật Mã 1028 - 1054), Nùng Tồn Phúc¹⁷ (儂存福) là thủ lĩnh châu Thảng Do (儻猶) chiếm châu Vạn Nhai¹⁸ (万涯) của em là Nùng Tồn Lộc (儂存祿), châu Vũ Lặc¹⁹ (武勒) của em vợ là (Nùng) Đương Đạo (儂当道). Đặt vùng chiếm được là nước Trường Sinh, một phần lớn vùng này nằm trong lãnh thổ Đại Việt. Đương nhiên là nhà Lý không chấp nhận sự việc này. Vua Lý Thái Tông thân chinh đánh dẹp, bắt toàn gia của Nùng Tồn

¹⁷ Theo ĐVSKTT, tập 1 trang 260. Sử Trung Quốc gọi là Nông Toàn Phúc (Nong Quanfu)

¹⁸ Theo ghi chú số 2, ĐVSKTT, tập 1 trang 260 : "*Vạn Nhai: tên châu thời Lý, nay là phần đất huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn và một phần huyện Võ Nhai, tỉnh Bắc Thái*". (nv: Bắc Thái là tên của hai tỉnh Bắc Cạn và Thái Nguyên hợp lại)

¹⁹ Theo ghi chú số 3, ĐVSKTT, tập 1 trang 260 : "*Vũ Lặc: tên châu, chưa rõ ở đâu. Cương mục dẫn Đường thư, Địa lý chí: "Nhà Đường đặt Lung Châu quản lĩnh huyện Vũ Lặc" và cho rằng hai châu Thảng Do, Vũ Lặc có lẽ ở vào địa hạt tỉnh Cao Bằng và tỉnh Lạng Sơn ngày nay*".

Phúc xử tử, ngoại trừ vợ ông là A Nùng (A Nong 阿侬) và người con 14 tuổi là Nùng Trí Cao chạy thoát.

Năm 1041, Nùng Trí Cao ²⁰ nổi lên, chiếm châu Thảng Do, đổi làm nước Đại Lịch (大曆 - Dali). Nhà Lý sai quân đi đánh dẹp, bắt được Trí Cao nhưng không sát hại vì thương hại là cha và anh (Nùng Trí Thông, theo VNSL) đã bị giết nên tha, lại phong làm Quảng Nguyên mục (theo VNSL) và cho thêm 4 động và một châu và để Trí Cao và mẹ là A Nùng tiếp tục cai quản.

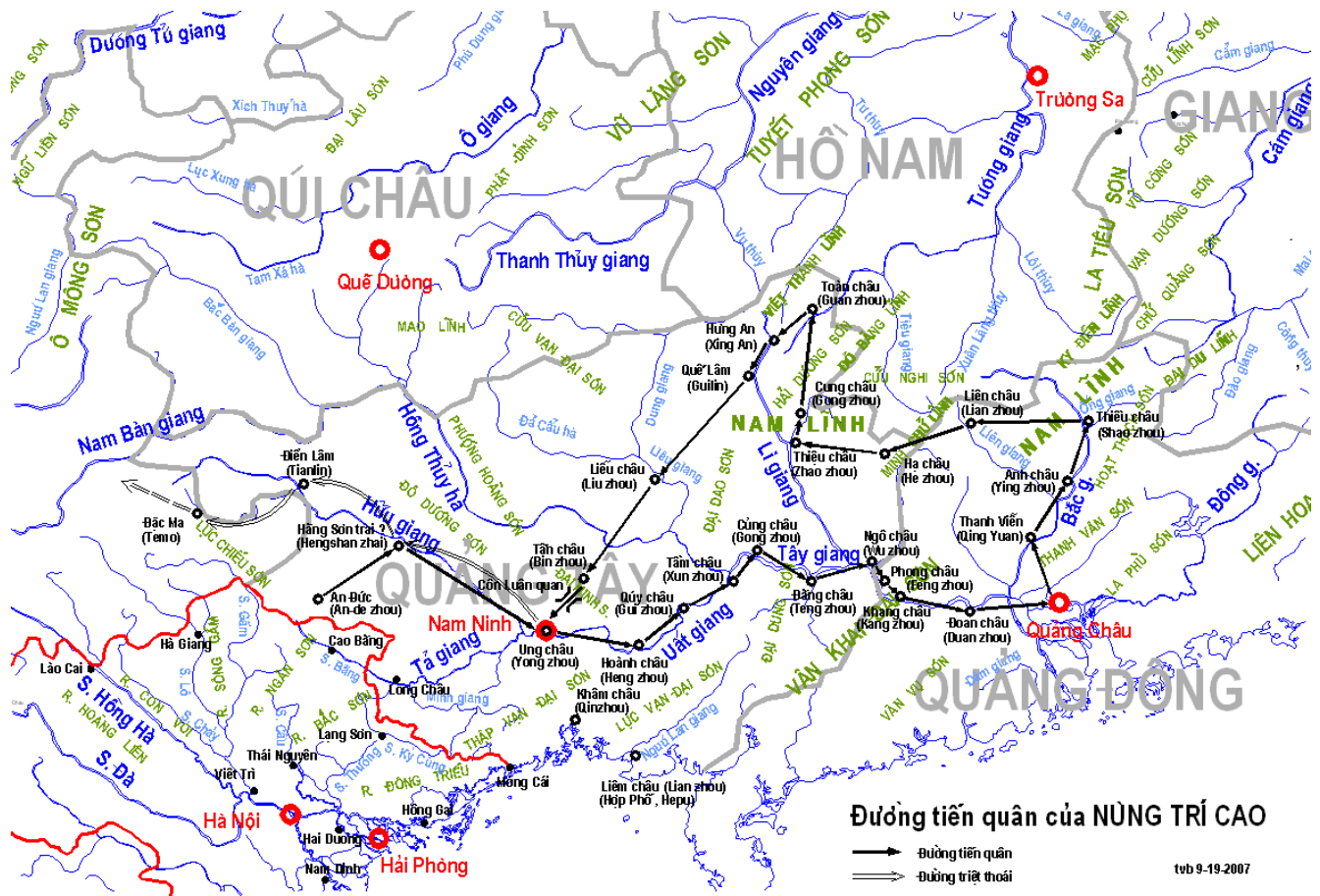
Năm 1048, Nùng Trí Cao không thần phục nhà Lý, chiếm đất của Đại Việt là động Vật Ác ²¹ (勿惡), và đổi vùng đất dưới sự quản trị của mình thành nước Đại Nam (大南), xưng là Nhân Huệ (仁惠) hoàng đế ²². Nhà Lý không bằng lòng với việc này, sai tướng Quách Thịnh Dật đi đánh, Trí Cao lại thua và xin đầu hàng. Nhà Lý tha về việc phản loạn, để Nùng Trí Cao quản trị những vùng đất cũ. Nùng Trí Cao vẫn muốn thành lập một vương quốc độc lập theo mô hình Đại Việt. Tuy nhiên, họ Nùng quá hãi sợ nhà Lý sau ba lần cha con nổi lên đều bị đánh bại, Nùng Trí Cao muốn tìm nơi ngoài lãnh thổ Đại Việt để dựng nước. Vì thế ông ta di chuyển đến châu An Đức (An-de Zhou 安德州), vùng đất xa hơn về phía bắc Cao Bằng, thuộc lãnh thổ nhà Tống để dựng Nam Thiên quốc (Nan Tien guo 南天国). Châu Quảng Nguyên rất phong phú về khoáng chất như vàng, bạc, và chu sa (cinnabar- nguyên liệu làm thủy ngân), vì thế mà các thương nhân người Hán từ Quảng Đông hay đến để giao thương. Quản trị vùng này Nùng Trí Cao đã có đủ tài lực và nhân lực để gây dựng nên một đội quân hùng mạnh.

Năm 1052, để đạt mộng ước dựng một vương quốc tự trị cho Tráng tộc, Nùng Trí Cao mang quân đánh Ung châu (Yong zhou · 州, là thủ phủ Nam Ninh -Nanning 南), tỉnh Quảng Tây, Ung châu thất thủ. Sau đó với sự chuyển quân cực kỳ nhanh chóng, Hoàn châu (Heng zhou 横州) và các châu nằm dọc theo sông Uất giang (Yu jiang 郁江), rồi đến Ngô châu (Wu zhou 梧州) là một trị trấn quan trọng về hành chính của nhà Tống và kế tiếp là các châu bên bờ Tây giang đều thất thủ trong vòng 20 ngày sau Ung châu.

²⁰ Theo ĐVSKTT, tập 1 trang 262

²¹ Theo ghi chú số 2 ĐVSKTT, tập 1 trang 268 : “Động Vật Ác: ở phía tây tỉnh Cao Bằng”. Nv: Hán tự được sao lại từ ĐVSKTT, tập 4, trang 126 (sách đề số trang từ sau tới trước theo cổ bản), tờ 36 a-b, chính giữa dòng áp chót của trang này.

²² Việt Nam Sử Lược, trang 104



Được vẽ lại theo tài liệu và bản đồ trong bài viết "Decisive Battles: Parallels Between the Battles of the Kunlun Pass (China, 1054) and Hastings (England, 1066)" Presented at ASPAC '98. Whitman College, June, 1998. Jeffrey Barlow (Ph.D.)²³

Nùng Trí Cao đã đánh chiếm tổng cộng là 9 châu: Hoàn (Heng 橫), Quý (Gui 貴), Tầm (Xun 浚), Cung (Gong 龚) Đằng (Teng 藤), Ngô (Wu 梧), Phong (Feng 封), Khang (Kang 康), Đuan (Duan 端)²⁴

Quân của Nùng Trí Cao tiến đến Quảng Châu (Guangzhou 廣州), bao vây và tấn công thành này. Tuy nhiên sau 57 ngày tấn kích không thành công, Trí Cao triệt thoái, mang quân tiến về phía bắc, ngược dòng Bắc giang (Beijiang 北江), đánh và hạ các thành Thanh Viễn (Qingyuan 清远), Anh châu (Yingzhou 英州)²⁵, Thiệu châu (Shaozhou 韶州)²⁶. Sau đó Trí Cao tiến quân về phía tây đánh chiếm

²³ Ghi chú trong bản đồ tham khảo: "ROUTE OF NONG ZHI-GAO'S MILITARY EXPEDITIONS" [Adapted from Huang Xianfan, Nong Zhigao (Namning, GuangxiRenmin Chubanshe, 1983), p. 29.] (nv: Huang Xianfan 黃現 Hoàng Hiện Phan, giáo sư sử học về lịch sử dân tộc Tráng)

²⁴ Tổng sử, quyển 495 "Man Di truyện"

²⁵ Nay là Anh Đức (Yingde 英德), Quảng Đông

Liên châu (Lianzhou 連州), Hạ châu (Hezhou 賀州), Thiệu châu (Zhaozhou 昭州). Rồi đổi hướng, tiến quân lên phía bắc đánh Cung châu (Gongzhou 恭州) và Toàn châu (Quanzhou 全州) là thị trấn phía nam Việt Thành lĩnh, một trong năm rặng núi của Ngũ Lĩnh (rặng núi Nam Lĩnh ngày nay). Không vượt núi, Trí Cao đổi hướng tiến về phía tây nam đánh Hưng An (Xingan 兴安), Quế châu (Guizhou 桂州)²⁷, Liễu châu (Liuzhou 柳州), Tấn châu (Binzhou 宾州)²⁸, và chiếm lại Ung châu (đã bị nhà Tống chiếm lại tháng 10, năm 1052)²⁹. Tại đây, Trí Cao chuẩn bị thuyền bè với ý định đánh chiếm Quảng Châu một lần nữa, để dựng kinh đô nước Nam Việt của người Tráng. Nhà Tống sai quân đến tấn công, nhưng đều bị Trí Cao đánh bại. Cuối cùng, vua Tống phải cử Địch Thanh (Di Qing 狄青) là một đại tướng có tài, nhiều kinh nghiệm hành quân với 25 lần lâm trận - đã từng chiến thắng quân Tây Hạ (Xi-Xia 西夏).

Địch Thanh mang 31 ngàn quân và 32 tướng từ Hồ Nam kéo quân đến đóng tại Quế châu (Guizhou 贵州, là Quế Lâm ngày nay). Để có thể chống với cách hành binh thần tốc của Nùng Trí Cao, Địch Thanh mang theo đội kỵ binh Phiên Lạc (Fanluo 蕃落³⁰) của Tây Hạ nổi tiếng với tài "di chuyển trên đồi núi như trên đất bằng"³¹. Địch Thanh nhân đêm tối, cho quân chiếm đèo Côn Luân (Kunlun 崑崙, khoảng 60 km phía đông bắc của Nam Ninh ngày nay). Đây là một cửa ải sống còn của Nùng Trí Cao. Mất ải này, Trí Cao đã bị ép vào một trong hai thế, một là giữ thành Ung, hai là mở trận địa chiến trực tiếp giao tranh để chống lại quân Tống. Trí Cao đã chọn thế thứ hai. Cuộc giao tranh đã xảy ra tại phía bắc thành Ung, tháng giêng năm 1054. Trong trận này, Địch Thanh có khoảng 20 ngàn quân, Nùng Trí Cao có khoảng 10 ngàn quân³². Nùng Trí Cao đã bị Địch Thanh đánh bại, ông đã mang thân quyến là mẹ- A Nùng- cùng các con và các em chạy đến Đặc Ma (Temo 特磨)³³ với hy vọng có thể gây dựng

²⁶ Nay là Thiệu Quan (Shaoguan 韶关), Quảng Đông

²⁷ Nay là Quế Lâm (Guilin 桂林)

²⁸ Nay là Tấn Dương (Binyang 宾阳)

²⁹ <http://mcel.pacificu.edu/as/resources/zhuang/zhuang8.htm> "THE TANG-SONG INTERREGNUM", "THE REBELLION OF NONG ZHIGAO", by Jeffrey Barlow

³⁰ Tống sử, quyển 495 "Man Di truyện": Nguyên văn: "青起麾蕃落骑兵", phiên âm Hán Việt: "(Địch) Thanh khởi huy Phiên Lạc kỵ binh".

³¹ Như ghi chú số 30

³² Độc giả có thể đọc thêm chi tiết về trận chiến đèo Côn Luân: "Decisive Battles: Parallels Between the Battles of the Kunlun Pass (China, 1054) and Hastings (England, 1066)", Presented at ASPAC '98, Whitman College, June, 1998, Jeffrey Barlow (Ph.D.) tại : <http://www.chinahistoryforum.com/index.php?showtopic=538>

³³ Nay là thị trấn Quảng Nam (Guangnan 廣南), gần ranh giới Quảng Tây và Vân Nam ngày nay, cách phía bắc thị xã Đồng Văn, Hà Giang, Việt Nam khoảng 100 km. Ghi chú trong sách ĐVSKT, quyển 1, trang 270: "Đạo Đặc Ma: tức phủ Quảng Nam, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc".

lại quân đội. Tại đây, năm 1055, mẹ của Nùng Trí Cao là A Nùng và các con đã bị Dư Tĩnh³⁴ là một tướng dưới quyền của Địch Thanh bắt và xử tử. Số phận của Nùng Trí Cao ra sao? Sử sách Trung Quốc không ghi lại rõ ràng! Tổng sử viết: "**không biết rõ về cái chết của Nùng Trí Cao**"³⁵.

Tuy nhiên sử Việt đã ghi lại sự việc này như sau:

ĐVSKTT: "*Mùa đông, tháng 10, Trí Cao sai Lương Châu đến xin quân [cứu viện]. Vua xuống chiếu cho chỉ huy sứ là Vũ Nhị đem quân cứu viện. Địch Thanh lại đánh phá được Trí Cao. Trí Cao chạy sang nước Đại Lý. Người nước Đại Lý chém đầu Cao bỏ vào hòm dâng vua Tống. Từ đây họ Nùng bị diệt*".

Việt Sử Tiêu Án của Ngô Thời Sĩ cũng viết: "*Trí Cao cự chiến bị thua, mới đốt thành, đương đêm trốn chạy sang phủ Đại Lý, quan ở phủ Đại Lý chém đầu Trí Cao đóng hòm dâng lên vua Tống. Họ Nùng tuyệt diệt*".

Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim, Việt Sử Toàn Thư của Phạm Văn Sơn cũng viết là Trí Cao đã bị người Đại Lý giết. Tuy nhiên, người viết lăm nhĩ là nếu đầu của Nùng Trí Cao đã nộp cho nhà Tống thì Tống sử đã không viết như trên. Sự việc này nên được tìm hiểu hơn nữa để biết thêm về sự thật của lịch sử!

Còn sự việc "**từ đây họ Nùng bị diệt**" cần phải được kiểm lại vì Việt Sử Toàn Thư-trang 191- viết là "**thân nhân của Trí Cao sau cũng bị giết hết**", nhưng - trang 205- lại viết là "*Tống triều không chịu và về phần Tống còn chiêu dụ cả Trí Hội là con Nùng Trí Cao ở châu Quy Hóa và hạ lệnh cho Ty kinh lược Quảng Tây mộ các dân đình các khê động làm thanh viện cho Trí Hội*"³⁶. Đây là sự mâu thuẫn trong những tài liệu dẫn chứng!

³⁴ Tống sử, quyển 495 "Man Di truyện".

³⁵ Tống sử, quyển 495 "Man Di truyện": Nguyên văn: "然智高卒不出，其存亡莫可知也。", Phiên âm Hán Việt: "*Nhiên Trí Cao tốt bất xuất, kỳ tồn vong mạc khả tri dã*".

³⁶ Việt Sử Toàn thư của Phạm Văn Sơn, trang 191: "*Theo Đại Nam dật sự, Nguyễn Văn Tố nói: hai năm sau Dư Tĩnh được phong làm Kinh Chế Quảng Tây có nhiệm vụ đi bắt Trí Cao. Dư Tĩnh phái Tiêu Chú là Đô Giám qua đường Đạc Ma đi tìm họ Nùng và dư đảng chỉ có bắt được mẹ Trí Cao, em là Trí Quang, con là Kê Tông và Kê Phụng; lại cử người sang Đại Lý theo dõi Trí Cao đem về kinh sư. Thân nhân của Trí Cao sau cũng bị giết hết. Từ đó tại biên giới Hoa Việt không có sự quấy nhiễu của người Nùng nữa*".

Trang 205: "*Việc thứ ba của Thảm Khởi là dụ dỗ các tù trưởng lệ thuộc về Lý triều theo Tống được Lưu Kỳ ở Quảng Nguyên, Nùng Thiện Mỹ ở An Tĩnh thuộc Bắc Cạn, giáp Thất Khê hưởng ứng. Theo Nguyễn Văn Tố, họ Thảm chứa chấp Nùng Thiện Mỹ và việc này đã đến tai người Việt*".

.... Lý triều lên tiếng đòi Nùng Thiện Mỹ, thủ lĩnh châu An Tĩnh và 700 thuộc hạ để sửa trị. Tống triều không chịu và về phần Tống còn chiêu dụ cả **Trí Hội là con Nùng Trí Cao** ở châu Quy Hóa và hạ lệnh cho Ty kinh lược Quảng Tây mộ các dân đình các khê động làm thanh viện cho Trí Hội".

Tác giả Jeffrey Barlow viết trong: *The Zhuang: "A Longitudinal Study of Their History and Their Culture"*, chương: "*VIETNAM IN THE LATER SONG ERA*" cũng viết là một người em và một người con của Trí Cao chạy về "cố quận" là vùng Cao Bằng, Việt Nam

Mặc dù sự quật khởi của Nùng Trí Cao - dựng một vương quốc độc lập cho dân tộc Tráng - đã không thành công, nhưng người Tráng đã tôn ông như một nhân vật cực kỳ anh hùng, gọi ông là "Vua Nùng", và dựng miếu thờ. Ngày 3 tháng 3 hàng năm - kỷ niệm về Nùng Trí Cao - là ngày hội chính của dân tộc Tráng.